PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.
(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION
No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC
Tel: 028-38817289
www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng ***Pioneer Shipbrokers*** *có trên* ***iOS và Android,*** *công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 22/2023
(23/05/2023 – 29/05/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI tuần này tiếp tục trên đà giảm, từ 1.365 điểm xuống còn 1.172 điểm. Như vậy chỉ trong tháng 5, BDI đã giảm 386 điểm, tương ứng giảm 24,8%. Cụ thể từng phân khúc: chỉ số BCI (Capesize) đã giảm 20%, BPI (Panamax) giảm 32%, BSI (Supramax) giảm 21% và BHSI (Handysize) giảm 12%. Hiện các chủ tàu đang trong tình cảnh rất khó khăn do người thuê sẵn sàng hủy các hợp đồng chuyến đã ký trước đó và bồi thường một số tiền nhỏ, sau đó người thuê lại ký hợp đồng thay thế với các chủ tàu khác với mức cước thấp hơn rất nhiều. Giá tàu tuần này hiện vẫn đứng ở mức cao do các giao dịch đã chốt từ một hai tuần trước đó. Ví dụ tàu ***Alice Star*** (32.029 dwt, đóng 2009 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) bán với giá khoảng 12,2 triệu đô la Mỹ. Tàu ***Alice Star*** tháng 9/2023 cần phải lên đà đặc biệt (SS), tuy nhiên tàu có ưu điểm lớn là hầm hàng hộp và không bị hạn chế tốc độ liên quan đến khí thải (không phải lắp Giới hạn công suất động cơ ((EPL)). Tàu tương tự ***Straits Breeze*** (31.612 dwt, đóng 2009 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, hầm hàng hộp, DD 05/2025, SS 04/2027) bán cho người Mua Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 13 triệu đô la Mỹ. Mức giá này cũng tương tự tàu ***Supper Gunner*** (31.922 dwt, đóng 2009 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 02/2024) bán tuần trước với giá khoảng 13,25 triệu đô la Mỹ. Một tàu Handysize khác nhưng đóng ở Trung Quốc là ***Brianna*** (31.800 dwt, đóng 2009 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 04/2024). Giá bán tàu này tương đối tốt nếu so sánh với tàu trọng tải lớn hơn ***Caribbean Spirit*** (35.223 dwt, đóng 2009 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 07/2024) bán tuần trước với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ. Do thị trường thuê tàu ảm đạm và mức cước sụt giảm mạnh nên khả năng giá tàu sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm nhẹ trong thời gian tới.

Tình hình thị trường mảng tàu dầu/hóa chất cũng không ngoại lệ. Cước thuê tàu giảm nhẹ sau mỗi tuần nhưng nhìn chung chưa đáng kể. Ở mảng mua bán tàu đã qua sử dụng, ghi nhận khá nhiều giao dịch trải dài các phân khúc. Giá bán tàu đã phần nào giảm song vẫn còn đứng ở mức cao, riêng giá tàu Aframax vẫn đang ổn định. Đơn cử người Mua Gardsea đầu tư 39,8 triệu đô la Mỹ mua tàu Aframax ***Dakota Strength*** (115.878 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD 03/2026, SS 11/2027). Mức này cao hơn một chút so với cuối năm 2022, Gardsea mua tàu tương tự ***Houston Star*** (116.093 dwt, đóng 2007 Nhật, DD 10/2025, SS 07/2027) với giá khoảng 39,25 triệu đô la Mỹ, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn. Cặp tàu trọng tải nhỏ hơn ***Ashahda*** và ***Adafera*** (~105.200 dwt, đóng 2004 Nhật, DD/SS 01-02/2024) bán với giá ấn tượng khoảng 31,5 triệu đô la Mỹ/tàu. Cuối cùng, tàu hóa chất nhỏ ***Hongkong Pioneer*** (6.525 dwt, đóng 2009 Phà Rừng, Việt Nam, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 07/2024) về tay người Mua Hàn Quốc với giá khoảng 6,8 triệu đô la Mỹ, mức tương đối hợp lý trong thời điểm hiện nay.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
			BULKERS			
CIC Elli S	2003	Korea	171,448	Undisclosed	Lila Global	DD/SS due 09/2023
Integrale	2014	Japan	78,162	Undisclosed	UAE-based	BWTS fitted, DD/SS 01/2024
Dennisan	2012	Japan	78,095			BWTS fitted, DD 11/2025, SS 11/2027
Taurus Confidence	2018	China	63,270	28.00	Norwegian, Spar Shipping	BWTS fitted, dely 10-11/2023, DD/SS 12/2023
Aries Confidence	2018	China	63,153	28.00		BWTS fitted, dely 10-11/2023, bss DD/SS 11/2023
Daxia	2011	China	56,811	14.20	Undisclosed	BWTS fitted, DD 07/2024, SS 06/2026
RHL Julia	2009	Japan	55,701	16.00	European	Poor condition, DD/SS 11/2024
Magnum Force	2008	China	53,630	12.90	Indonesian, PT Pelayaran Bahtera Adhiguna	**Sold enbloc with Magnum Fortune reported previous week also at US$ 12.9M,** BWTS fitted, DD/SS 11/2023
Rainbow	2004	Japan	52,050	10.60	Undisclosed	BWTS fitted, M/E Sulzer, DD/SS 09/2024
Atlantic Altamira	2017	China	43,368	24.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD 11/2025, SS 07/2027, Singaporean owner
Yangtze Oasis	2013	China	34,306	13.80	Undisclosed	BWTS fitted, SS passed 04/2023, next DD 01/2025, SS 04/2028, Chinese owner
Alice Star	2008	Japan	32,029	12.20	Undisclosed	BWTS fitted, box-shaped, DD/SS 09/2023
Brianna	2009	China	31,800	10.60	Turkish	BWTS fitted, DD/SS 04/2024
Straits Breeze	2009	Japan	31,612	13.00	Turkish	BWTS fitted, box-shaped, DD 05/2025, SS 04/2027
Huge SW	2009	Japan	11,939	Undisclosed	Undisclosed	Tween-decker, 66 teu, BWTS fitted, CR 1X60T, CR 2X30,7T, DR 1X30T, DD/SS 01/2024
Fabulous SW	2009	Japan	11,939	Undisclosed	Undisclosed	Old sale, Tween-decker, 66 teu, BWTS fitted, CR 2X30,7T, DR 1X30T, DD/SS 03/2024
			TANKERS			
Good News	2002	Korea	319,430	43.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 04/2023, SS 03/2026
Yio	2005	Japan	302,481	54.00	Undisclosed	DD 11/2023, SS 08/2025

Jal Fighter	2006	Japan	146,427	43.00	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, ice class 1A, DD 01/2025, SS 09/2026
Dakota Strength	2007	Korea	115,878	39.80	Indian, Gardsea	DD 03/2026, SS 11/2027
Ashahda	2004	Japan	105,221	63.00	Undisclosed	DD/SS 02/2024
Adafera	2004	Japan	105,215			DD/SS 01/2024
Amazon Beauty	2004	Korea	72,910	19.50	Undisclosed	DD/SS 01/2024
Usma	2007	Croatia	52,684	90.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, ice class 1B, ***Usma*** (DD 09/2023, SS 09/2025), ***Uzava*** (DD 08/2024, SS 0/2026), ***Piltene*** (DD 09/2023, SS 05/2025), ***Salacgriva*** (DD 09/2024, SS 06/2026)
Uzava	2008	Croatia	52,650			
Piltene	2007	Croatia	52,648			
Salacgriva	2008	Croatia	52,620			
High Loyalty	2015	Korea	49,990	21.40	Italian	Purchase option declare, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated,
Leon Hermes	2008	Korea	40,165	Undisclosed	Augusta Due	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD/SS 12/2023
Hongkong Pioneer	2009	Pha Rung, Vietnam	6,525	6.80	Korean	BWTS fitted, chemical IMO II, siloxirane coated, M/E Hanshin, DD/SS 07/2024
CONTAINERS						
Anna Maersk	2003	Denmark	109,000	Undisclosed	Global Ship Lease	8272 teu, dely Q2-Q3/2023, incl 24M +option 12M TC back
Arnold Maersk	2003	Denmark	109,000			
Arthur Maersk	2003	Denmark	109,000			
Axel Maersk	2003	Denmark	109,000			
Clementine Maersk	2002	Denmark	104,600	Undisclosed	Greek	8648 teu, DD 01/2026, SS 11/2027
Cornelia Maersk	2002	Denmark	104,600			8648 teu, D 06/2025, SS 06/2027
Maersk Kiel	1998	Japan	88,669	Undisclosed	MSC	6690 teu, DD due 05/2023, SS 05/2028
Spirit of Mumbai	1999	China	30,703	11.00	Chinese	2202 teu, M/E Sulzer, DD/SS 09/2023
Ocean Probe	1995	Taiwan	18,585	4.00	Turkish	1471 teu, fully cellular, DD 03/2024, SS 10/2025
Baltic Fulmar	2005	Germany	15,952	9.15	Chinese	1638 teu, fully cellular, BWTS fitted, ice class 1A Super, DD 05/2026, SS 03/2025

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô *(đv: triệu đô la Mỹ)*			% thay đổi theo *(M (month) = tháng)*				TB 5 năm
		05/2023	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	67.00	4%	23%	25%	6%	52.50
180k dwt	5 tuổi	55.00	2%	24%	26%	6%	36.75
170k dwt	10 tuổi	33.50	2%	14%	16%	-9%	26.00
150k dwt	15 tuổi	21.50	2%	13%	13%	-10%	16.50
PANAMAX							
82k dwt	Resale	41.00	3%	9%	6%	-9%	33.50
82k dwt	5 tuổi	34.50	5%	13%	10%	-10%	26.25
76k dwt	10 tuổi	25.50	4%	11%	13%	-14%	17.75
74k dwt	15 tuổi	17.50	8%	15%	9%	-8%	11.75
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	39.50	1%	8%	7%	-7%	31.00
58k dwt	5 tuổi	32.00	2%	12%	12%	-4%	21.25
56k dwt	10 tuổi	22.00	2%	16%	10%	-6%	15.50
52k dwt	15 tuổi	16.00	0%	5%	5%	-15%	11.00
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	33.00	3%	12%	14%	-1%	25.25
37k dwt	5 tuổi	27.00	2%	8%	10%	-7%	19.00
32k dwt	10 tuổi	19.50	3%	15%	15%	-3%	12.50
28k dwt	15 tuổi	13.00	2%	18%	18%	-2%	7.75

Giá trị tàu hàng khô *(đv: triệu đô la Mỹ)*			% thay đổi theo *(M (month) = tháng)*				TB 5 năm
		05/2023	1M	3M	6M	12M	
VLCC							
310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	4%	24%	96.50
310k dwt	5 tuổi	100.50	0%	0%	11%	31%	72.00
250k dwt	10 tuổi	76.50	0%	0%	15%	46%	49.25
250k dwt	15 tuổi	60.50	0%	0%	15%	61%	34.00
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	88.00	2%	2%	9%	21%	66.25
150k dwt	5 tuổi	72.50	5%	6%	16%	38%	49.25
150k dwt	10 tuổi	57.50	6%	7%	24%	53%	34.00
150k dwt	15 tuổi	37.00	7%	9%	21%	57%	20.75
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	79.50	1%	5%	7%	26%	53.75
110k dwt	5 tuổi	64.00	2%	2%	9%	29%	39.50
105k dwt	10 tuổi	52.50	4%	4%	21%	59%	27.00
105k dwt	15 tuổi	34.50	5%	5%	19%	64%	16.75
MR							
52k dwt	Resale	51.00	0%	5%	7%	24%	38.75
52k dwt	5 tuổi	42.50	0%	1%	8%	29%	29.50
45k dwt	10 tuổi	34.50	0%	6%	21%	53%	20.00
45k dwt	15 tuổi	24.50	0%	14%	20%	69%	12.50

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	-	2	Dalian Shipbuilding	China Merchants Energy Shipping	2026 - 2027	Dual fuel LNG M/E
Tanker	82,000 dwt	33.00	4	Qingdao Yangfan	Seatankers	From 10/2024 – FH 2024	Price per unit
Tanker	82,000 dwt	34.80	1	Hengli H.I.	Laskaridis Shipping	-	
Tanker	Kamsarmax size, CABUs type (72,500 – 80,500 dwt)	56.40	3	Jiangsu New Yangzi	Klaveness	2026	Price per unit, for the carriage of caustic soda to Australia and dry bulk cargoes out of Australia
Tanker	115,000 dwt	62.50	4	Cosco Yangzhou	Pantheon Tankers	2026	Price per unit
Tanker	50,000 dwt	46.60	2	Hyundai Mipo	Global Feeder Shipping	SH 2025	Price per nit
Container	1,300 teu	62.20	5	Hyundai Mipo	Zephyr & Boree	2026	Price per unit, wind-assisted/methanol powered

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới *(đv: triệu đô la Mỹ*		% thay đổi theo *(M (month) = tháng)*			
	05/ 2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt	63.3	1.20%	3.69%	-3.44%	-2.69%
Panamax (77.000 dwt)	35.3	2.17%	3.68%	-11.88%	-11.88%

Giá trị tàu dầu đóng mới *(đv: triệu đô la Mỹ*		% thay đổi theo *(M (month) = tháng)*			
	05/ 2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	125.0	3.31%	3.31%	4.17%	4.17%
Suezmax (170.000 dwt)	85.0	4.29%	4.94%	3.66%	3.66%

Supramax (61.000 dwt)	34.0	3.03%	7.94%	-9.33%	-9.33%
Handysize (37.000 dwt)	31.0	3.33%	6.90%	-10.14%	-10.14%

A.max (115.000 dwt)	67.5	3.85%	5.47%	3.85%	3.85%
MR (56.000 dwt)	47.0	3.30%	5.62%	6.82%	6.82%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua tiếp tục lao dốc. Cụ thể cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 10.403 đô la Mỹ, giảm 1.443 đô la Mỹ (tương đương 12,18%) so với mức 11.846 đô la Mỹ của tuần trước. Viễn cảnh ảm đạm và rất cần nguồn hàng hoá để thị trường có thể sớm hồi phục. Phía Thái Bình Dương, Joint Faith chốt tàu ***New Venture*** (53.390 dwt, đóng 2009) đi ngay từ Bắc Trung Quốc đến Continent với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ, Tongli chốt tàu ***Rui Ning 6*** (53.501 dwt, đóng 2010) đi từ thành phố Hồ Chí Minh qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 7.500 đô la Mỹ, tàu ***Peristil*** (52.000 dwt, đóng 2010) được chốt chuyến khứ hồi, đi ngay từ CJK qua Nam Kalimantan với giá khoảng 6.500 đô la Mỹ. Cùng lúc ở Ấn Độ Dương, cuối tuần qua có tàu ***YM Advance*** (63.509 dwt, đóng 2019) được chốt đi từ Nam Phi đến Viễn Đông với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ, cộng thêm 183.000 đô la Mỹ chi phí ballast. Đồng thời Cloud Shipping chốt tàu ***Aventicum*** (58.087 dwt, đóng 2010) đi từ Mesaieed (25/05) đến Khalifa với giá khoảng 15.500 đô la Mỹ và tàu ***ST Paul*** (57.982 dwt, đóng 2010) được chốt chờ quặng sắt từ Bờ Đông Ấn Độ (22/05) đến Trung Quốc với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, Olam chốt tàu ***Jal Kaml*** (63.219 dwt, đóng 2020) đi từ Brazil đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ, cộng thêm 525.000 đô la Mỹ chi phí ballast.

Thị trường ở cả hai khu vực Đại Tây Dương và Thái Bình Dương tuần qua vẫn không có nhiều hoạt động. Thiếu nhu cầu chở hàng mới là nguyên nhân chính khiến cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 10.585 đô la Mỹ so với mức 11.018 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Continent, cước vẫn đang ổn định, các chuyến đến phía Tây Địa Trung Hải hiện đang có giá khoảng 8.000 đô la Mỹ/ngày đối với các tàu khoảng 32.000 dwt. Các chuyến từ Baltic đến Địa Trung Hải đang có giá khoảng 10.000 đô la Mỹ/ngày. Có tin một tàu chở sắt vụn từ Hamburg đến Thổ Nhĩ Kỳ được chốt giá khoảng 8.500 đô la Mỹ (tương đương mức giá thuê định hạn). Ở Địa Trung Hải, một tàu khoảng 36.000 dwt được chốt đến Peru với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ/ngày. Một tàu khoảng 34.000 dwt được chốt đi từ Biển Đen, ghé vào Địa Trung Hải sau đến Ý với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Khu vực Vịnh Hoa Kỳ không có nhiều chuyến tàu được ghi nhận, cước vẫn đang giảm. Khu vực Bờ Đông Nam Mỹ vẫn đang khá ổn định, tàu ***TJ Harvest*** (32.038 dwt, đóng 2004) neo ở Vera Cruz được Seacon chốt chở hàng rời từ Fazendinha và trả tàu ở khu vực Đại Tây Dương-Columbia với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ. Ở phía Nam, tàu ***African Tiger*** (37.672 dwt, đóng 2022) neo ở Rosario được Axle chốt giao tàu ở nơi bất kỳ, đi đến Đông Nam Á với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ, tàu ***Sea Falcon II*** (37.152 dwt, đóng 2011) neo ở Recala được chốt chở hàng rời qua Neccochea đến Amsterdam-Rotterdam-Antwerp-Gent với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ. Cước ở Thái Bình Dương không có chên lệch nhiều so với tuần trước. Các chuyến back haul thời gian gần đây khá ít, có tin tàu ***Zhe Hai 505*** (35.130 dwt, đóng 2011) neo ở Lanshan (02/06) được đàm phán đến Continent với giá 9.500 đô la Mỹ, tuy nhiên thương vụ không được chốt. Các chuyến khứ hồi hiện đang có giá khoảng 8.000-10.000 đô la Mỹ/ngày tuỳ theo trọng tải và tuổi tàu, tàu ***Eco Splendor*** (38.302 dwt, đóng 2013) neo ở Busan được Daiichi chốt qua Bắc Thái Bình Dương và trả tàu ở khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Thời điểm này không nhiều nhu cầu thuê định hạn, số ít tàu được chốt thuê như ***Achilles Bulker*** (32.729 dwt, đóng 2003) neo ở Lanquiao được Yangtze Nav chốt 2 chuyến chở hàng với giá khoảng 8.850 đô la Mỹ, một tàu nhỏ hơn khoảng 29.000 dwt được chốt vài chuyến với giá khoảng 7.5000 đô la Mỹ/ngày.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 22/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 22/2023	TUẦN 20/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 22)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 22)
TRANSATLANTIC RV	8,485	9,590	4,830	15,233
TCT CONT/F.EAST	18,568	19,468	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	3,779	4,221	3,779	9,260
TCT F.EAST RV	8,633	9,354	6,763	14,904

RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,018	13,232	6,630	17,016
PACIFIC RV	7,975	8,781	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	16,317	17,192	12,642	19,863

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 26/05/2023

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	10,403	▼	1,443
HANDIES 38K	10,585	▼	433

(so sánh với giá trị ngày 19/05/2023)

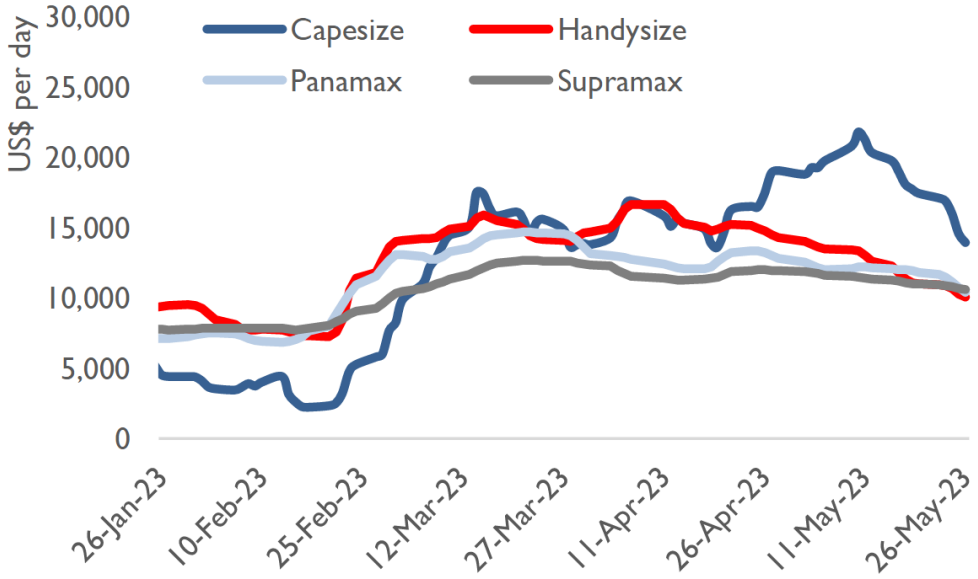

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ

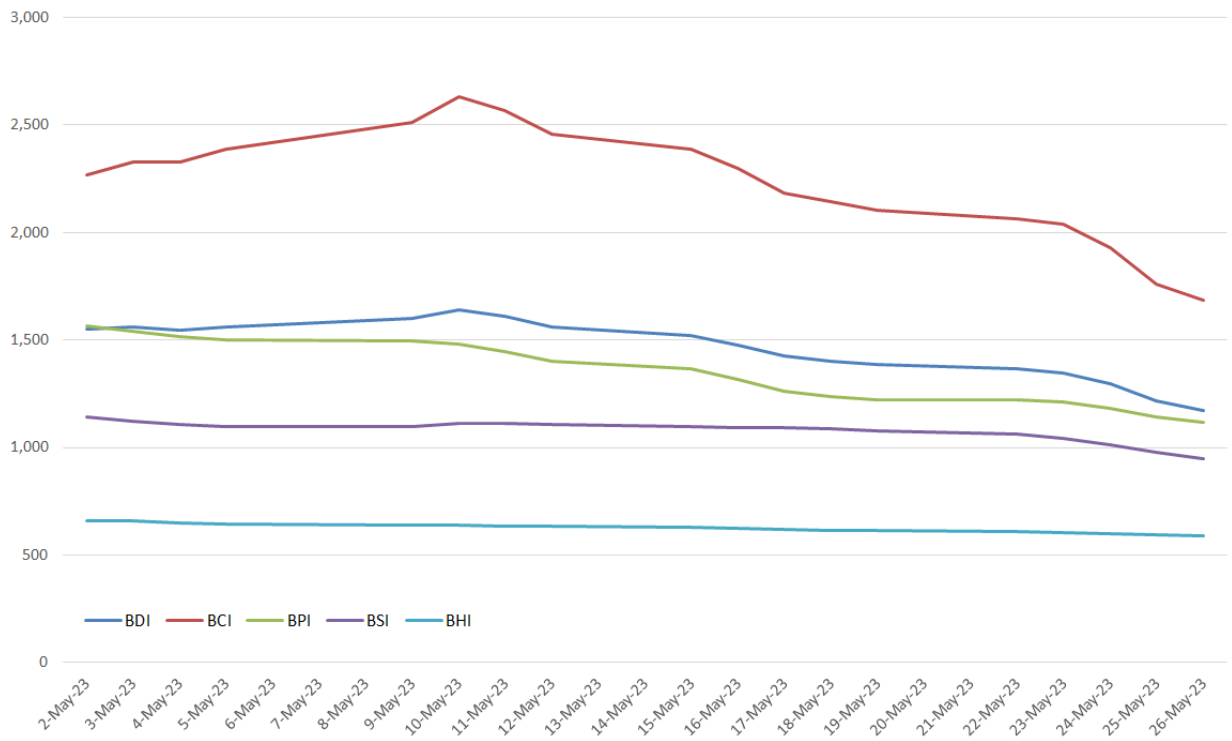

3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, ghi nhận giá dầu thô WTI tăng 0,09 USD, lên mức 72,76 đô la Mỹ/thùng, trong khi giá dầu Brent tăng lên mức 77,15 đô la Mỹ/thùng. So với tuần trước đó, dầu Brent tăng 1,7%, trong khi WTI tăng 1,6%. Theo các chuyên gia, biến động của giá dầu trong tuần qua do tác động chủ yếu bởi cuộc đàm phán trần nợ của Mỹ và lo ngại về nguồn cung.

Cụ thể, các thành viên hàng đầu của OPEC+ đã đưa ra một loạt thông điệp trái ngược nhau về những động thái chính sách tiếp theo. Điều này khiến các chuyên gia khó dự đoán kết quả của cuộc họp tiếp theo của OPEC+ vào ngày 4/6. Từ thảo luận của Bộ trưởng Năng lượng Ả Rập Xê Út, các nhà đầu tư nhận định như là tín hiệu cho thấy OPEC+ có thể xem xét cắt giảm sản lượng hơn nữa khi nhóm họp vào ngày 4/6 tại Vienna. Tuy nhiên, mới đây nhất, Nga, đã ám chỉ rằng họ không mong đợi bất kỳ thay đổi nào trong chính sách tại cuộc họp.

Trong một diễn biến khác, Công ty dịch vụ năng lượng Baker Hughes cho biết số lượng giàn khoan dầu khí của Mỹ đã giảm 44 trong tháng này, mức giảm lớn nhất trong ba năm, sau khi các công ty năng lượng trong tuần này cắt giảm số giàn khoan trong tuần thứ tư liên tiếp. Số lượng giàn khoan dầu khí tại Mỹ đã giảm 9 giàn xuống còn 711 giàn trong tuần tính đến ngày 26/5, mức thấp nhất kể từ tháng 5/2022. Baker Hughes cũng cho biết tổng số giàn khoan giảm 16, tương đương 2%, so với thời điểm này năm ngoái.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc đã được dự báo tăng trong tuần trước đó. Tuy nhiên theo báo cáo, cước có dấu hiệu giảm nhẹ, ghi nhận ở mức WS 53-54 tương đương với khoảng 27.800 đô la Mỹ/ngày. Bên cạnh đó, cước trên tuyến USG/Trung Quốc cũng giảm xuống mức 8 triệu đô la Mỹ. Theo các nhà phân tích, cước sẽ tiếp tục tăng trở lại trong tuần này khi nguồn cung hàng hóa cho thời gian xếp hàng trong nửa đầu tháng 6 đi vào thị trường.
Phân khúc tàu Suezmax	Thị trường tàu Suezmax không để lại nhiều dấu ấn trong tuần vừa qua. Ghi nhận cước trên tuyến Tây Phi đi Châu Âu đã giảm xuống mức WS 115, tương đương với khoảng 49.100 đô la Mỹ/ngày. Tại khu vực Địa Trung hải và Biển Đen, nguồn cung hàng hóa đang được thắt chặt, không ghi nhận nhiều giao dịch được diễn ra trên thị trường. Theo dự báo, thị trường sẽ không có nhiều sự biến động diễn ra trong tuần này.
Phân khúc tàu Aframax	Sự sôi động của thị trường Đại Tây Dương trong thời gian gần đây đã giúp cho nguồn cung tàu tại khu vực phía Đông Suez giảm xuống. Theo ghi nhận, đã có khoảng 10 giao dịch được ký kết vào thứ hai tuần vừa qua trong bối cảnh người thuê đang tiếp tục giao dịch hàng hóa trên thị trường và điều này đã giúp cho các chủ tàu tin rằng cước sẽ ổn định hơn trong trong thời gian tới. Theo báo cáo, cước trên tuyến Mexico/USG tăng lên mức WS 290 tương đương với khoảng 87.500 đô la Mỹ/ngày. Cước từ Kuwait về Singapore cũng tăng lên xấp xỉ mức 50.000 đô la Mỹ/ngày.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR**, các giao dịch tại khu vực Bắc Á tiếp tục duy trì xu hướng trầm lắng, ghi nhận cước từ Hàn Quốc đi Úc giảm xuống mức WS 245 và cước trên tuyến Hàn Quốc/Nhật hiện chỉ còn ở mức 525 ngàn đô la Mỹ. Tại khu vực Singapore, nguồn cung tàu đang ở mức cao trong khi nguồn cung hàng hóa không đáp ứng đủ khiến cho việc cạnh tranh về cước diễn ra giữa các chủ tàu. Theo ghi nhận, cước từ Singapore đi Đông Úc hiện đang ở mức 32.400 đô la Mỹ/ngày. Các chủ tàu đang hy vọng rằng cước sẽ ổn định hơn trong tuần này do nguồn cung hàng đi vào thị trường. Tại khu vực UKC, đây được xem là một tuần khá bùng nổ cho các chủ tàu với các giao dịch hàng hóa đầu tháng 6 tham gia vào thị trường trong tình trạng nguồn cung tàu ở mức khan hiếm. Đơn cử, cước trên tuyến Cont/USAC tăng lên mức WS 190 vào thời điểm

đầu tuần, sau giảm nhẹ xuống mức WS 175-180 – xấp xỉ mức 23.200 đô la Mỹ/ngày. Bên cạnh đó, thị trường Mỹ có phần tích cực hơn trong tuần vừa qua, ghi nhận nhiều tàu được ký kết đi Châu Âu giúp cho nguồn cung tàu tại khu vực đang ở mức khá cân bằng.

Phân khúc **tàu chở dầu/ hóa chất nhỏ**: Tại khu vực Châu Á: Đối với giao dịch hướng phía bắc, các hợp đồng vận chuyển COA được ký kết trước đó vẫn giữ vững vai trò chủ đạo trên thị trường trong khi các yêu cầu thuê chuyến diễn ra khá nhỏ giọt từ phía người thuê. Các đơn hàng vận chuyển dầu cọ đi bờ đông Ấn Độ có xu hướng tăng nhẹ trong tuần vừa qua do lượng tồn kho có phần giảm. Cước trung bình ghi nhận ở mức 35-36 đô la Mỹ/tấn (cước có thể cao hoặc thấp hơn một vài đô tùy thuộc vào cảng xếp và trả hàng). Đối với giao dịch đi bờ tây Ấn Độ, cước chở 18.000 tấn hàng được báo cáo ở mức 39-43 đô la Mỹ/tấn. Tại khu vực Trung Đông, mặc dù các hợp đồng vận chuyển COA đã được gia hạn trước đó nhưng vẫn ghi nhận khá nhiều yêu cầu từ người thuê trong tuần vừa qua. Ghi nhận 15.000 tấn PX từ Jubail đi Trung Quốc được ký ở mức 64-66 đô la Mỹ/tấn (với yêu cầu tuổi tàu nhỏ hơn 15). Ngoài ra, một số đơn hàng 18.000 tấn hóa chất được ký kết từ Trung Đông đi bờ tây Ấn Độ đang được báo cáo ở mức 38-39 đô la Mỹ/tấn – giảm từ mức 42-43 đô la Mỹ/tấn trong một vài tuần trước đó. Ngoài ra, có khá nhiều đơn hàng chở CSS khối lượng 9-11.000 từ Jubail đi phía đông Địa Trung Hải được chào ra thị trường.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 22			Giá thuê tàu định hạn tuần 21		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	43,000	39,000	35,000	44,000	40,000	35,000
SUEZMAX	44,000	35,000	30,000	44,500	35,500	30,000
AFRAMAX	46,000	36,000	30,000	46,500	36,500	30,000
LR-2	47,500	36,500	31,500	47,000	36,000	31,000
LR-1	39,000	30,000	26,000	39,000	30,000	26,000
MR	30,000	24,500	22,500	30,500	24,500	22,500
HANDY	26,000	19,000	18,000	26,500	20,000	18,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

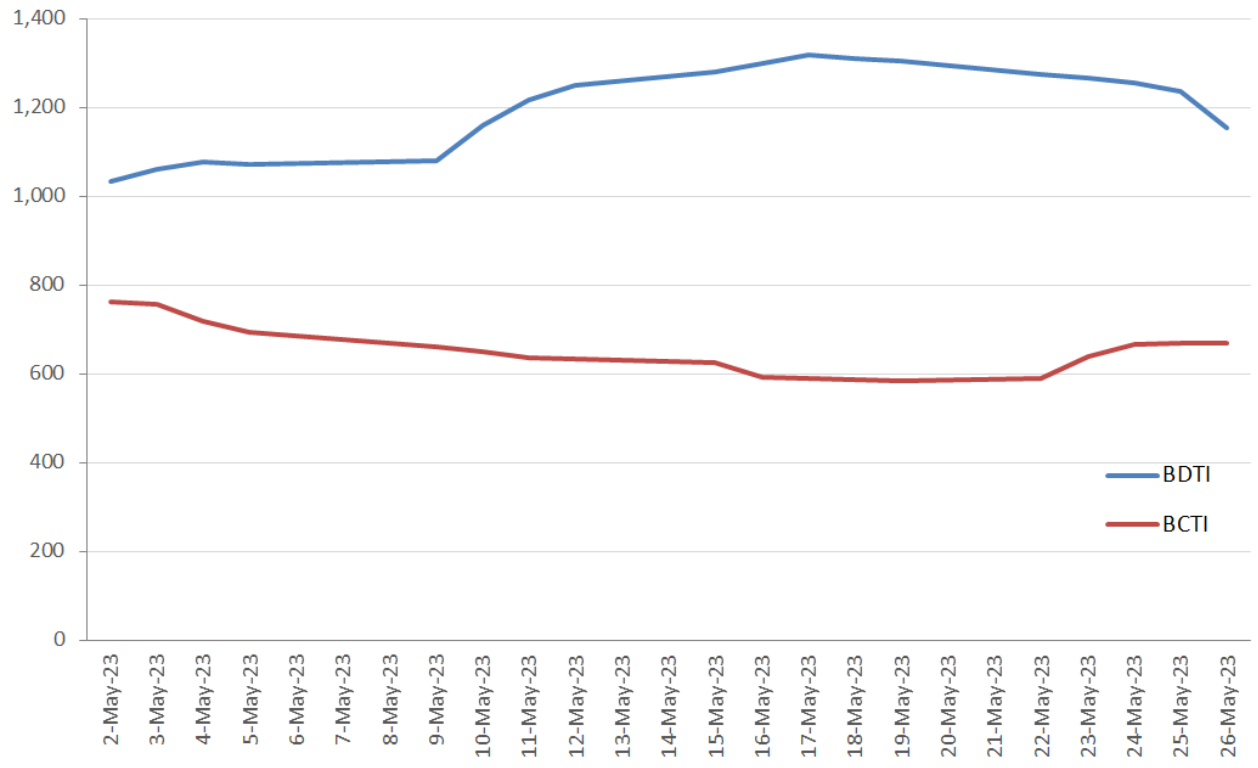

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	585	▲ 5	615	▲ 5	635	▲ 5
2	India	530	▲ 10	550	▲ 10	570	▲ 10
3	Pakistan	510	▲ 10	530	▲ 10	550	▲ 10
4	Turkey	320		330		340	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 22/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US$/lt)	Dwt	Comments
Tian He Shun	Bulker	1977	7,450	Bangladesh	563.00	37,212	
Xiang Jiang 6	Bulker	1977	7,290	Bangladesh	563.00	29,566	
Fortune	Bulker	1991	9,576	Bangladesh	-	47,002	Old sale
Great Wenxian	Bulker	1998	7,528	Bangladesh	-	45,713	Old sale

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.